

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.106.981.067	183.002.365.245
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.735.285.602	1.873.037.282
1. Tiền	111		9.735.285.602	1.873.037.282
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.979.931.665	161.144.272.353
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	7.079.184.213	20.686.342.260
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	36.192.486.901	25.227.154.943
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	114.708.260.551	115.230.775.150
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.666.558.708	17.630.514.402
1. Hàng tồn kho	141	V.3	26.666.558.708	17.630.514.402
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.725.205.092	2.354.541.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.725.205.092	1.155.524.480
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	-	1.199.016.728

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.496.422.230	149.666.662.544
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		102.940.397.230	99.418.337.544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	15.101.568.868	13.445.578.950
<i>Nguyên giá</i>	222		22.612.461.097	18.231.301.097
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.510.892.229)	(4.785.722.147)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	87.838.828.362	85.972.758.594
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.200.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	50.200.000.000	50.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		356.025.000	248.325.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	356.025.000	248.325.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.603.403.297	332.669.027.789

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		74.638.477.557	57.393.725.189
I. Nợ ngắn hạn	310		74.638.477.557	57.393.725.189
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	2.400.000.000	2.400.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	22.578.987.134	28.888.994.034
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	25.344.000.000	438.931.192
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	8.015.504.567	9.461.726.721
5. Phải trả người lao động	315		654.294.405	515.478.573
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	13.417.867.052	13.440.077.006
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.227.824.399	2.248.517.663
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.964.925.740	275.275.302.600
I. Vốn chủ sở hữu	410		274.964.925.740	275.275.302.600
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	268.000.000.000	268.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.13	6.580.858.842	6.622.245.370
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.13	-	351.785.494
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.13	384.066.898	301.271.736
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349.603.403.297	332.669.027.789

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.603.248.005	9.774.420.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.603.248.005	9.774.420.000
4. Giá vốn hàng bán	11		709.401.775	8.871.596.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		893.846.230	902.824.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		88.992	1.336.139
7. Chi phí tài chính	22		54.346.667	93.898.727
Trong đó: chi phí lãi vay	23		54.346.667	93.898.727
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		716.561.255	804.600.926
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123.027.300	5.660.486
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		165.021.048	-
13. Lợi nhuận khác	40		(165.021.048)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.993.748)	5.660.486
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			1.415.122
			27.598.388	96.244.857
			2.385.741.982	2.950.689.541
			305.670.098	40.203.453.147
			1.000.000.000	
			195.276.548	787.991.654
			(195.276.548)	212.008.346
			110.393.550	40.415.461.493
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550
			27.598.388	27.598.388
			2.950.689.541	2.950.689.541
			40.203.453.147	40.203.453.147
			1.000.000.000	1.000.000.000
			787.991.654	787.991.654
			(195.276.548)	(195.276.548)
			110.393.550	110.393.550

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 52

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60

(41.993.748)

4.245.364

82.795.162

40.319.216.636

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		110.393.550	40.415.461.493
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.725.170.082	2.526.628.711
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(212.008.346)
- Chi phí lãi vay	06		-	93.898.727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.835.563.632	42.823.980.585
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.244.513.130	(40.129.380.515)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.036.044.306)	(5.823.136.916)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17.265.445.632	(27.597.360.701)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	(8.775.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(93.898.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.370.448.087
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.309.478.088	(29.458.123.187)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.247.229.768)	(1.722.873.012)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	40.050.300.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.447.229.768)	39.327.426.988

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-		700.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-		-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-		700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.862.248.320		10.569.303.801
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.873.037.282		252.976.933
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.735.285.602		10.822.280.734

Kế toán trưởng

Ngô Văn Hiến

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, thương mại, xây dựng, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** : Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim;
Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
Xây dựng Công trình giao thông;
Dịch vụ vận chuyên hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
Xây dựng công trình công ích;
Xây dựng nhà các loại;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của người nắm giữ trái phiếu chuyển đổi.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Sau ghi nhận ban đầu, lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi trái phiếu phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi trái phiếu phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

Khi đáo hạn trái phiếu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của trái phiếu theo phương pháp lãi suất thực tế.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9.693.043.122	1.858.721.110
Tiền gửi ngân hàng	42.242.480	14.316.172
Cộng	9.735.285.602	1.873.037.282

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	7.079.184.213	20.686.342.260
Trả trước cho người bán	36.192.486.901	25.227.154.943
Các khoản phải thu khác	114.708.260.551	115.230.775.150
Cộng	157.979.931.665	161.144.272.353

3. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	111.874.818	5.000.000.000
Công cụ dụng cụ	56.709.091	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.856.309.374	10.060.605.177
Thành phẩm	1.217.325.425	2.569.909.225
Hàng hóa	424.340.000	-
Cộng	26.666.558.708	17.630.514.402

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	-	1.199.016.728
Cộng	-	1.199.016.728

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	36.546.500	16.025.465.185	2.145.427.594	23.861.818	18.231.301.097
Tăng trong năm	-	4.381.160.000	-	-	4.381.160.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	36.546.500	20.406.625.185	2.145.427.594	23.861.818	22.612.461.097
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.506.752	3.868.127.736	866.641.441	19.446.218	4.785.722.147
Tăng trong năm	4.568.310	2.443.457.389	272.728.783	4.415.600	2.725.170.082
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	36.075.062	6.311.585.125	1.139.370.224	23.861.818	7.510.892.229

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	5.039.748	12.157.337.449	1.278.786.153	4.415.600	13.445.578.950
Số cuối năm	471.438	14.095.040.060	1.006.057.370	-	15.101.568.868

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Mua sắm Tài sản cố định	18.365.480.628	18.365.480.628
Mỏ đồng Vạn Sài, Phù Yên, Sơn La	877.839.568	877.839.568
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	4.237.736.500	4.237.736.500
Mỏ sắt 409 Hưng Thịnh, Yên Bái	5.602.000.000	5.602.000.000
Mỏ sắt Cận Còng, Yên Bái	7.647.904.560	7.647.904.560
Xây dựng cơ bản dở dang	69.473.347.734	67.607.277.966
Mỏ Atimon Bù Lột, Hòa Bình	1.329.092.597	1.147.674.301
Mỏ Vạn Sài, Mộc Châu, Sơn La	19.500.000.000	19.500.000.000
Mỏ đồng Vạn Sài, Phù Yên, Sơn La	1.465.788.521	1.465.788.521
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	10.414.356.749	9.472.134.661
Mỏ sắt 409 Hưng Thịnh, Yên Bái	8.315.324.079	7.148.063.599
Nhà máy chế biến gỗ	-	1.800.793.937
Mỏ vàng Pắc Ta, Lai Châu	27.072.822.947	27.072.822.947
Mỏ sắt Cận Còng - Yên Bái	819.881.774	-
Mỏ sắt Suối Dầm - Yên Bái	5.000.000	-
Mỏ vàng gốc Tú lệ 2	551.081.067	-
Cộng	87.838.828.362	85.972.758.594

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần An Hồng Phương	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến vàng Lai Châu	200.000.000	-
Cộng	50.200.000.000	50.000.000.000

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	356.025.000	248.325.000
Cộng	356.025.000	248.325.000

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Quân đội	2.400.000.000	2.400.000.000
Cộng	2.400.000.000	2.400.000.000

10. Phải trả phải nộp ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	22.578.987.134	28.888.994.034
Người mua trả tiền trước	25.344.000.000	438.931.192
Cộng	47.922.987.134	29.327.925.226

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.415.148.966	27.598.388	1.464.351.629	7.978.395.725
Thuế thu nhập cá nhân	46.577.755	61.821.375	71.290.288	37.108.842
Thuế tài nguyên	-	409.500.000	409.500.000	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	187.000.000	187.000.000	-
Cộng	9.461.726.721	689.919.763	2.136.141.917	8.015.504.567

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.393.550	40.415.461.493
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	110.393.550	40.050.300.000
Thu nhập chịu thuế	110.393.550	384.979.428
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	110.393.550	384.979.428
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.598.388	96.244.857

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sắt và đồng.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo quy định tại địa bàn nơi thuê theo quy định của Nhà nước.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	5.875.000	5.875.000
Bảo hiểm y tế	1.192.500	1.192.500
Bảo hiểm thất nghiệp	560.000	560.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.400.000.000	13.400.000.000
Phải trả phải nộp khác	10.239.552	32.449.506
Cộng	13.417.867.052	13.440.077.006

13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	268.000.000.000	4.250.420.088	2.125.210.044	18.683.554.426	293.059.184.558
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	40.347.821.738	40.347.821.738
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	2.371.825.282	20.160.514.899	195.539.700.000	218.072.040.181
Chia cổ tức năm trước	-	-	(21.933.939.449)	(254.269.804.428)	(276.203.743.877)
Số dư cuối năm trước	268.000.000.000	6.622.245.370	351.785.494	301.271.736	275.275.302.600
Số dư đầu năm nay	268.000.000.000	6.622.245.370	351.785.494	301.271.736	275.275.302.600
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	82.795.162	82.795.162
Giảm khác	-	(41.386.528)	(351.785.494)	-	(393.172.022)
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	6.580.858.842	-	384.066.898	274.964.925.740

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	34.019.359.955	59.942.655.600
Cộng	34.019.359.955	59.942.655.600

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	31.072.212.675	57.691.376.000
Cộng	31.072.212.675	57.691.376.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.426.868	946.461.815

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	-	40.050.300.000
	1.426.868	40.996.761.815

4. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	257.162.068	93.898.727
Cộng	257.162.068	93.898.727

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.385.741.982	2.950.689.541
Cộng	2.385.741.982	2.950.689.541

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong kỳ không phát sinh.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico	Chủ tịch HĐQT hai bên có quan hệ anh em ruột thịt.

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico		
Mua hàng hoá	9.599.273.145	-
Trả tiền mua hàng	15.945.138.047	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan căn cứ trên giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.735.285.602	1.873.037.282
Phải thu khách hàng	7.079.184.213	20.686.342.260
Trả trước cho người bán	36.192.486.901	25.227.154.943
Các khoản phải thu khác	7.079.184.213	20.686.342.260
Cộng	<u>60.086.140.929</u>	<u>68.472.876.745</u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2013



Ngô Văn Hiến

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiên

Tổng Giám đốc